

Số: 02/2011/BC-HĐQT

Hà nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2011

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

### A. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN  
TÂY BẮC  
Tên giao dịch: KTB  
Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân-P.Nhật Tân- Q.Tây Hồ- Hà Nội  
Điện thoại: 04.3719.8888 Fax: 04.3719.2222  
Vốn điều lệ: 268.000.000.000 đồng

### B. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

#### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

##### 1. Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Tây Bắc tiền thân là Công ty Cổ Phần Molybden Việt Nam- Thành viên của Tập Đoàn Vinamotor Việt Nam(được xếp hạng vào top “500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Báo Điện Tử Vietnamnet bình chọn và công bố) Được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 2006 và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc vào ngày 08 tháng 07 năm 2010.

Từ một Doanh Nghiệp Cổ Phần với vốn điều lệ ban đầu là: 10.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần 2 lên 50.000.000.000 đồng bằng hình thức góp thêm vốn giữa các cổ đông sáng lập và hoàn tất việc tăng vốn lần 2 khi kết thúc năm tài chính 31/12/2010, sau đó chính thức chuyển tên thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn điều lệ lên 268.000.000.000 đồng vào ngày 08/07/2010.

Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng lên UBCK nhà nước và chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2785/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 06/09/2010.



## 2. Quá trình phát triển:

### a. Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim(trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
- ✓ Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Xây dựng công trình giao thông
- ✓ Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ✓ Phá dỡ
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng(không bao gồm rà phá bom mìn)
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- ✓ Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- ✓ Khai thác đá, cát sỏi, đất sét
- ✓ Bán buôn sắt thép
- ✓ Bán buôn quặng kim loại
- ✓ Bán buôn kim loại khác
- ✓ Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi
- ✓ Bán buôn xi măng
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại(trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- ✓ Thoát nước và xử lý nước thải
- ✓ Tái chế phi kim loại
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- ✓ Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải thủy nội địa
- ✓ Bốc xếp hàng hóa
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- ✓ Đại lý

### b. Tình hình hoạt động:

Những năm mới đi vào hoạt động, Công ty chủ yếu triển khai công tác xin thuận chủ trương, tìm kiếm và thăm dò, xin phép đầu tư các mỏ nên doanh thu từ khai thác hầu như không có. Cụ thể, năm 2008, doanh thu của công ty chủ yếu từ hoạt động khác (vận tải chuyên dụng) và doanh thu này chiếm 65% trên tổng doanh thu. Hoạt động khai thác ở giai đoạn manh mún nhỏ lẻ và tổng doanh thu từ khai thác vàng và antimon chỉ chiếm 35% trên tổng doanh thu thuần.

Từ đầu năm 2009, công ty đã mở rộng hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh khoáng sản nên tỷ trọng doanh thu mang lại từ hoạt động khai thác đã tăng lên và chiếm tỷ trọng 95% trên tổng doanh thu, doanh thu khác giảm chỉ còn 5%, sự sụt giảm nhanh tỷ lệ doanh thu khác một phần là do công ty đẩy mạnh tập trung vào hoạt động đầu tư dự án khai thác và chủ động giảm hoạt động vận tải chuyên dụng.

Năm 2010, doanh thu từ quặng antimon tăng lên khá rõ rệt và chiếm 73,68%, hoạt động khai thác khoáng sản đã được đẩy mạnh và doanh thu khác chiếm 10,52% trong 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu đến từ hoạt động cho thuê máy móc khai thác đối với một số máy móc công ty đã mua cho triển khai dự án nhưng chưa sử dụng do dự án chưa triển khai kịp theo tiến độ. Dự kiến trong năm 2011, khi các dự án khai thác quặng sắt đi vào hoạt động thì doanh thu từ sản phẩm quặng sắt sẽ tăng đột biến.

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc như Bắc Cạn, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Lai châu Điện Biên,....các lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

- ✓ Vàng
- ✓ Quặng Molybden
- ✓ Tinh quặng sắt
- ✓ Quặng đồng vàng
- ✓ Quặng antimon

Thị trường tiêu thụ: Cung cấp nguyên liệu cho các Công ty sản xuất trong nước, và xuất khẩu một phần sang các nước như Nhật Bản, Trung Quốc....

### 3. Định hướng phát triển của Công ty

#### ❖ Tuân thủ pháp luật:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước

#### ❖ Đầu tư phù hợp:

Mặc dù mới chính thức hoạt động từ 12/2006 nhưng sản phẩm của công ty đã được nhiều Công ty trong nước cũng như nước ngoài biết đến. Hiện nay, nhà nước đã có nhiều thay đổi về chính sách trong việc khai thác và chế biến

khoáng sản để đảm bảo cho việc khai thác tài nguyên khoáng sản được sử dụng hợp lý và có hiệu quả.

Để khai thác và sử dụng hợp lý và có hiệu quả các tài nguyên khoáng sản, Công ty đã không ngừng đầu tư vào trang thiết bị, dây chuyền công nghệ khai thác được nhập khẩu chủ yếu từ nước ngoài như: Đức, Ý, Trung Quốc... Hiện nay, công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất của từng vùng cũng như đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.....

❖ **Chính sách chất lượng:**

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau: lọc quặng nguyên khai

Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm

Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

❖ **Phát triển nguồn nhân lực:**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác

Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	TH 2010	Tỷ lệ % so với	
			KH 2010	TH 2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.906.522.675	151,91%	760,39%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.906.522.675	151,91%	760,39%
4.	Giá vốn hàng bán	120.966.455.728		756,89%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.940.066.947		774,37%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	786.436.561		8.085,39%
7.	Chi phí tài chính			
	Trong đó: chi phí lãi vay			
8.	Chi phí bán hàng			
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.501.326.875		295,28%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.225.176.633		925,40%
11.	Thu nhập khác	235.689.583.337		22.988,49%
12.	Chi phí khác	899.352		0,10%
13.	Lợi nhuận khác	235.688.683.985		205.691,93%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	264.913.860.618	108,13%	8.094,66%
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	66.228.465.155		8.094,66%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	198.685.395.463	101,89%	8.094,66%
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.496	12.264	491

Doanh thu năm 2010 tăng 760,4% so với năm 2009 và vượt kế hoạch đặt ra, là do trong năm 2010 một số mỏ của Công ty đã đi vào khai thác và cho ra sản phẩm. Đồng thời, Công ty đã có những cải cách lớn trong khâu quản lý doanh nghiệp, cải tiến máy móc kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và tiết giảm tối đa các chi phí phát sinh nhằm đạt hiệu quả tối đa trong sản xuất kinh doanh, đem lại nguồn doanh thu lớn cho Doanh Nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 là 198,6 tỷ đồng, gấp ~83 lần so với năm 2009.

## 2. Đầu tư mở rộng sản xuất trong năm:

Trong năm 2010, Công ty đã đưa vào khai thác thêm được một số mỏ và đang làm thủ tục xin gia hạn khai thác nhằm tận dụng tối đa nguồn tài nguyên khoáng sản. Đồng thời Công ty đang xây dựng nhà máy chế biến Đồng- Vàng tại Phù Yên, Sơn La. Dự kiến trong năm 2011 nhà máy sẽ đi vào hoạt động nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm trước khi tiêu thụ trên thị trường, đem lại nguồn thu lớn cho Doanh Nghiệp.

## 3. Chiến lược phát triển:

- Nghiên cứu thị trường tiêu thụ sản phẩm, vạch ra chiến lược Marketing, tạo lợi thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.
- Tích cực tìm kiếm,thăm dò và xin cấp phép thêm các mỏ mới nhằm đáp ứng cho các dự án đầu tư mang tính dài hơi, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty
- Liên doanh,liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.
- Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

## III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

#### a. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản:			
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	86,4	40,1
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản		13,6	59,9
2	Cơ cấu nguồn vốn:			
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	20,2	4,5
	Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn		79,8	95,5
3	Khả năng thanh toán:			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,036	5,142
	Khả năng thanh toán hiện hành		0,676	13,375
4	Tỷ suất lợi nhuận:			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		73,1%	5,9%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,08%	12,3%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		68,7%	4,7%

## Phân tích các chỉ tiêu tài chính:

- Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài sản:

Năm 2010, Tổng tài sản của Công ty tăng lên 307,28 tỷ đồng –bằng 786,5% mức tăng của năm 2009. Tài sản ngắn hạn cuối năm so với đầu năm tăng 16,4 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng là 49,7%, trong đó chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền giảm 83%; hàng tồn kho giảm 35,7% ;các khoản phải thu ngắn hạn tăng 143,6%; tài sản ngắn hạn khác tăng 262%. Tài sản dài hạn tăng thêm 290,8 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ tăng 1.319,1%

- Nhóm chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn:

Nhóm chỉ tiêu nợ phải trả/tổng nguồn vốn năm 2010 là 20,2% cho thấy hệ số nợ của Công ty là nhỏ, bảo đảm sự lành mạnh về tài chính, đồng thời thể hiện khả năng cho phép công ty huy động nguồn vốn tín dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cho nhu cầu đầu tư phát triển tại công ty.

Chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2010 đạt 79,8% cho thấy khả năng tài trợ vốn của Công ty hiện tại là rất tốt – bảo đảm hoàn toàn nguồn vốn cho tài sản dài hạn và một phần lớn cho tài sản ngắn hạn.

- Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh năm nay bằng 0,036 thấp hơn năm trước(5,142), vẫn chứng tỏ khả năng thanh toán nhanh của Công ty tiếp tục được đảm bảo, tạo sự tin tưởng cho khách hàng cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành năm nay bằng 0,676 thấp hơn so với năm trước(13,375) nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nợ phải trả ở mức cao.

- Nhóm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận:

Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận năm 2010 ở mức cao so với năm 2009, do Công ty đã áp dụng triệt để các biện pháp tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận tăng cao.

### b. Những thay đổi về vốn điều lệ và cổ tức:

- Vốn điều lệ: Tại cuộc họp bất thường lần 2 năm 2010 ngày 15/06/2010, Công ty đã thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 268.000.000.000 đồng (nghị quyết 02/2010/NQ-ĐHĐCĐ). Số lượng cổ phiếu phát hành là 21.800.000 cổ phiếu.
- Cổ tức thay đổi so với năm 2009 như sau:

- Năm 2009: Tỷ lệ chia cổ tức là 30 % tương đương 15 tỷ đồng
- Năm 2010: Tỷ lệ chia cổ tức là 360% bằng cổ phiếu tương đương 180 tỷ đồng và dự kiến 5% bằng tiền mặt.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu: Năm 2010 đạt 151.906.522.675 đồng doanh thu, bằng 151,91.% so với kế hoạch.
  - Lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế đạt 264.913.860.618 đồng, bằng 108,13% kế hoạch và bằng 8.094,66% so với năm 2009.
3. Kế hoạch năm 2011:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 dự kiến sẽ thông qua kế hoạch sản xuất năm 2011 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2011	Thực hiện 2010	KH 11/TH 10
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	170.000	151.906	279,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.500	198.685	12,83%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	20	365	5,48%
4	Vốn điều lệ	Triệu đồng	268.000	268.000	100%
5	Đầu tư mới	Triệu đồng	150.000	53.539	280,17%
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng /người/tháng	7	5	140%
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	8.750	66.228	13,21%

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Đã được kiểm toán)**

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010)**

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>	<b>B</b>	<b>49.387.464.883</b>	<b>32.987.842.751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.642.445.569</b>	<b>12.681.564.324</b>
1. Tiền	111		2.642.445.569	12.681.564.324
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>25.566.921.848</b>	<b>10.494.983.003</b>
1. Phải thu khách hàng	131		24.145.421.845	5.497.574.953
2. Trả trước cho người bán	132		1.421.500.003	4.945.408.050
5. Các khoản phải thu khác	135		-	52.000.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.099.292.573</b>	<b>4.817.716.069</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	3.099.292.573	4.817.716.069
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.078.804.893</b>	<b>4.993.579.355</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	839.022.271
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.959.441.259	129.131.997
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	16.119.363.634	4.025.425.087
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>312.927.460.212</b>	<b>22.050.907.254</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.858.226.713</b>	<b>9.774.037.711</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.318.654.912	4.828.629.660
- Nguyên giá	222		13.853.812.645	5.149.374.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(535.157.733)	(320.744.803)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	53.539.571.801	4.945.408.051
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>235.590.000.000</b>	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	235.590.000.000	-
<b>V. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.479.233.499</b>	<b>12.276.869.543</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		230.908.499	1.678.044.543
3. Tài sản dài hạn khác	268	12	10.248.325.000	10.598.825.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>362.314.925.095</b>	<b>55.038.750.005</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>73.185.744.910</b>	<b>2.466.345.027</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>73.185.744.910</b>	<b>2.466.345.027</b>
2. Phải trả người bán	312		6.716.439.108	1.608.876.701
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	66.239.221.997	857.468.326
5. Phải trả công nhân viên	315		103.894.050	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.269.506	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		122.920.249	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>289.129.180.185</b>	<b>52.572.404.978</b>

<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>289.129.180.185</b>	<b>52.572.404.978</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		257.240.498	-
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		128.620.249	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		20.743.319.438	2.572.404.978
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>362.314.925.095</b>	<b>55.038.750.005</b>

## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	151.906.522.675	19.977.465.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		151.906.522.675	19.977.465.261
4. Giá vốn hàng bán	11	16	120.966.455.728	15.981.972.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30.940.066.947	3.995.493.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	786.436.561	9.726.643
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.501.326.883	847.105.120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		29.225.176.625	3.158.114.575
11. Thu nhập khác	31	18	235.689.583.337	1.025.250.350
12. Chi phí khác	32	18	899.352	910.667.012
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	18	235.688.683.985	114.583.338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		264.913.860.610	3.272.697.913
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	66.228.465.153	818.174.478
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		198.685.395.457	2.454.523.435

### 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		264.913.860.610	3.272.697.913
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		204.231.112	176.766.735
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(236.476.019.898)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.642.071.824	3.449.464.648
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.996.186.654)	(12.627.268.012)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.718.423.496	(4.786.307.482)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.225.482.807	794.252.863
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.286.158.315	(2.000.826.005)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(857.468.326)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		454.565.154	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(3.560.874.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.473.046.616</b>	<b>(18.731.558.764)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.298.601.932)	(3.945.408.050)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		786.436.561	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(56.512.165.371)</b>	<b>(3.945.408.050)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		38.000.000.000	35.000.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>38.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(10.039.118.755)</b>	<b>12.323.033.186</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.681.564.324	358.531.138
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5	2.642.445.569	12.681.564.324

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính

Địa chỉ: Tầng 15, Toà nhà 17T-1 Trung Hoà - Nhân Chính, Hà nội.

Điện thoại: 04.62811499

Fax: 04. 62811499

Kiểm toán viên: Nguyễn Hoàng Dũng, chứng chỉ kiểm toán viên số 1106/KTV.

## 2. Ý kiến của kiểm toán độc lập (Đính kèm Báo cáo kiểm toán)

Số. 61.2/BCKT 2011 - ACA

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 15. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan.

---

**Nguyễn Hoàng Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

*Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International*

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2011

---

**Nguyễn Hồng Hiền**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số

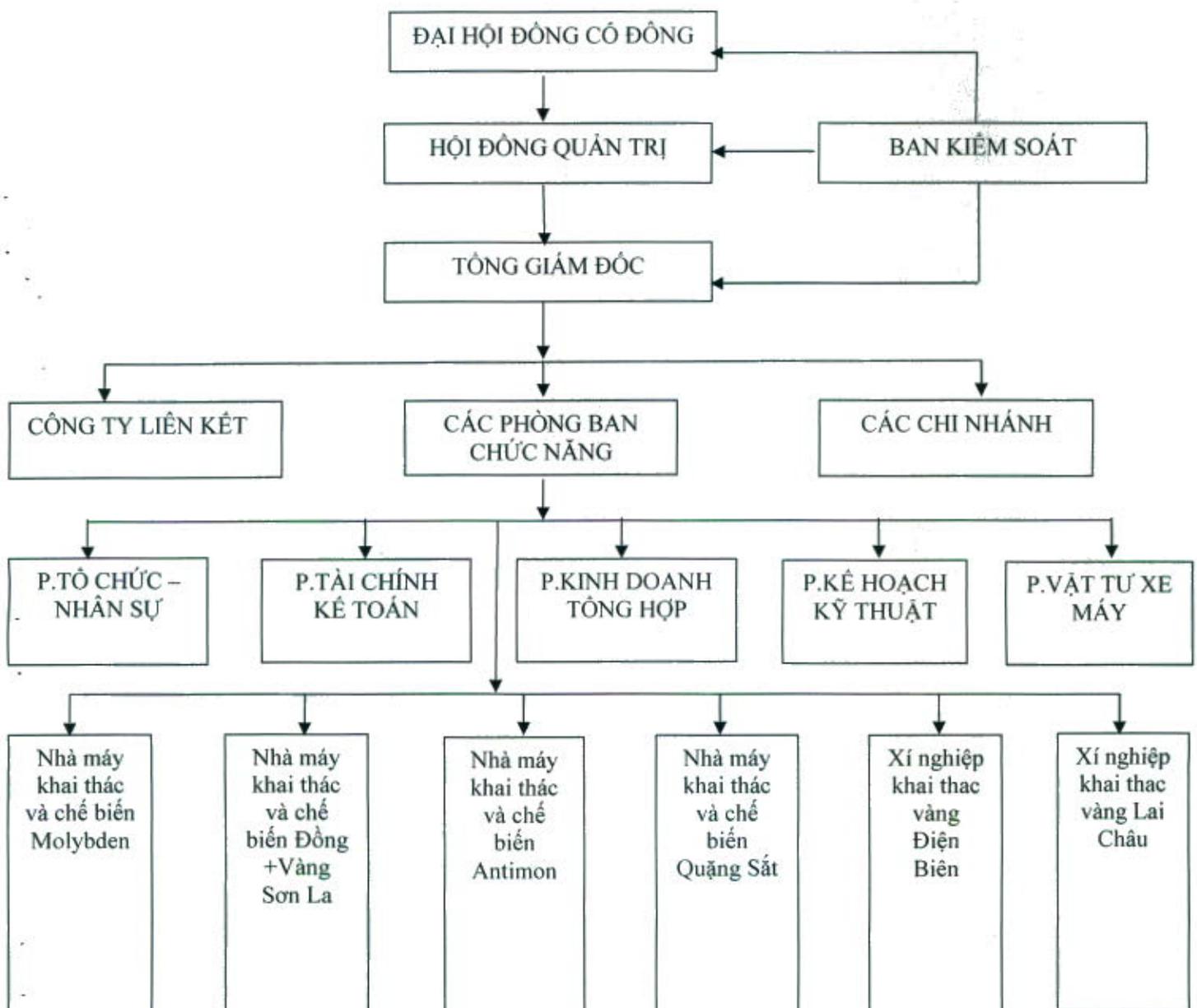
1117/KTV

## VI. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc: Không có
2. Tình hình đầu tư vào Công ty có liên quan:
  - Công ty cổ phần An Hồng Phương
  - Địa chỉ: Tổ 9 Phường Phùng Chí Kiên, TX. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
  - Tỷ lệ vốn góp: Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần An Hồng Phương bằng quyền khai thác các mỏ quặng sắt Cận công, 409 tại Yên Bái; mỏ Antimon Hòa Bình; mỏ vàng Pắc ta tại Lai Châu. Quyền biểu quyết của Công ty cổ phần ĐTKS Tây Bắc tại Công ty Cổ Phần An Hồng Phương là 49%.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty:



Tóm tắt lý lịch của các cổ đông trong ban điều hành:

- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:

Họ và tên: Trần Văn Tặng  
Ngày sinh: 10/06/1961  
Nơi sinh: Nam Định  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Giao phong-Giao thủy-Nam Định  
Địa chỉ thường trú: P302-Nơ 4A Bán Đảo Linh Đàm-Hoàng Liệt-Hoàng Mai-Hà Nội

Trình Độ văn hóa: 10/10

Trình Độ chuyên môn: Kỹ sư

▪ **Quá trình công tác:**

Từ tháng 04/1994-12/2004: Phó phòng kinh doanh điện năng, điện lực Bắc Giang

Từ tháng 04/2004-03/2007: Trưởng chi nhánh Điện thành phố Bắc Giang

Từ tháng 03/2007-đến nay: Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Chức vụ Hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Chức vụ ở tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Tổng công ty cổ phần khoáng sản Na rì Hamico

Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần

Đại diện sở hữu nhà nước: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với: không

lợi ích của Công ty

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

Ngày sinh: 12/08/1960

Nơi sinh: Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tụ lạn-Việt yên-Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Tụ lạn-Việt yên-Bắc Giang

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 1975-2004: Xã viên hợp tác xã nông nghiệp

Từ 2004-đến nay: Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm trưởng phòng Vật tư Xe máy

Chức vụ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Hùng Dũng

Số cổ phần nắm giữ:	1.400.000 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	1.400.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Hoàng Kim Thành
Ngày sinh:	15/02/1960
Nơi sinh:	Đông Anh,Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đông Anh,Hà nội
Địa chỉ thường trú:	Lô 32 BT3,P.Hoàng Liệt,Hà nội
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Đại học Sư Phạm

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 1981-1985:	Cán bộ văn hóa ,thể thao gang thép Thái Nguyên
Từ 1985-1998:	Cán bộ Dịch vụ thương nghiệp TX Bắc Kạn
Từ 1998-2003:	GV Giảng dạy văn hóa,Sở giáo dục tỉnh Bắc Kạn
Từ 2003-2009:	CB quản lý giáo dục, Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Kạn
Từ 2009-đến nay	Công ty cổ phần ĐTKS Tây Bắc
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ:	100.000 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	100.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Hứa Trung Sỹ
Ngày sinh:	16/04/1971
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán: Đồng Hỷ-Thái Nguyên  
Địa chỉ thường trú: Tổ 16,P.Sông Cầu,TX. Bắc Kạn  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 04/1995-12/2006: Công nhân Công ty Xăng Dầu Bắc Thái  
Từ 01/2007-đến nay: Tổng Công ty cổ phần Khoáng Sản Na rì  
Hamico  
Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT  
Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần  
Đại diện sở hữu nhà nước: 0 cổ phần  
Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: Đào Bá Tuấn  
Ngày sinh: 16/11/1977  
Nơi sinh: Hà Tây  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Ngọc Hòa-Chương Mỹ-Hà Tây  
Địa chỉ thường trú: Số 23A Ngõ 400 Hoàng Hoa Thám-Hà Nội  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kỹ thuật

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 2000-đến nay: Cán bộ thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn  
Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT  
Chức vụ ở tổ chức khác: Nhân viên thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn  
Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần  
Đại diện sở hữu nhà nước: 0 cổ phần  
Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

3. **Thay đổi Giám Đốc điều hành trong năm: Không có**

#### 4. Quyền lợi của Ban Giám Đốc trong năm 2010

TT	Chức danh	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Tổng Giám Đốc	300.000.000	150.000.000	50.000.000	500.000.000
2	Phó Tổng Giám Đốc	240.000.000	100.000.000	30.000.000	370.000.000
3	Kế toán trưởng	180.000.000	50.000.000	20.000.000	250.000.000

#### 5. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tính đến ngày 31/12/2010, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác của Công ty là 1.325, trong đó có 153 lao động ký hợp đồng lao động trên 1 năm.

#### 6. Chính sách đối với người lao động:

##### ▪ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (4 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 04 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

**Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

**Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

▪ **Chính sách lương, thưởng:**

- Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Lương bình quân của công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 3.500.000đ/tháng, Lương bình quân của khối hành chính: 5.000.000 đ/tháng.

- Ngoài các quyền lợi được quy định bởi luật lao động, cán bộ CNV còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty.

- Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

7. **Thay đổi thành viên hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên, trong năm 2010 không có sự thanh đổi thành viên hội đồng quản trị

8. **Thay đổi thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên. Trong năm không có sự thay đổi thành viên Ban Kiểm Soát.

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

#### a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/07/2010:

TT	Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ
1	Trần Văn Tạng	Chủ tịch-Kiểm Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
3	Đào Bá Tuấn	Ủy viên
4	Hứa Trung Sỹ	Ủy viên
5	Hoàng Kim Thành	Ủy viên

#### b. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

TT	Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng ban kiểm soát
2	Âu Văn Long	Thành viên
3	Đỗ Thị Thanh Dung	Thành viên

#### c. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành:

##### ❖ Về ưu điểm:

- Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các nghị quyết và chỉ đạo Ban quản lý Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thể hiện qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính đều đạt được và vượt mức đề ra so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
  - Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.
- Để điều hành hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí bầu ra 05 thành viên Hội đồng quản trị và 03 thành viên Ban kiểm soát.

##### ❖ Những tồn tại:

Chưa tận dụng hết lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nâng cao hiệu quả khai thác sản phẩm. Chưa chủ động trong việc thăm dò, tìm kiếm, mở rộng địa bàn khai thác các nguồn tài nguyên.

**❖ Biện pháp khắc phục:**

- Xây dựng đồng bộ hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty. Tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy chế đã ban hành.
- Có kế hoạch cụ thể để giải quyết triệt để, kịp thời và nghiêm túc các tồn tại nảy sinh, Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty; khai thác tốt sự hợp tác phối hợp của người lao động và cổ đông của Công ty.

**d. Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/07/2010	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/03/2011	Thay đổi tỷ lệ sở hữu
	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>	<b>6,68%</b>	<b>6,68%</b>	<b>0,00%</b>
1	Trần Văn Tạng	0,37%	0,37%	0,00%
2	Nguyễn Văn Dũng	5,2%	5,2%	0,0%
3	Đào Bá Tuấn	0,37%	0,37%	0,00%
4	Hứa Trung Sỹ	0,37%	0,37%	0,00%
5	Hoàng Kim Thành	0,37%	0,37%	0,00%
	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>0,108%</b>	<b>0,108%</b>	<b>0,00%</b>
1	Nguyễn Văn Hưng	0,07%	0,07%	0,00%
2	Âu Văn Long	0,019%	0,019%	0,000%
3	Đỗ Thị Thanh Dung	0,019%	0,019%	0,000%
	<b>Cộng</b>	<b>6,788%</b>	<b>6,788%</b>	<b>0,000%</b>

**f. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các cá nhân có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số CP mua vào	Số CP bán ra
1	Đoàn Thị Tinh	Vợ của Ông Hoàng Kim Thành - Ủy viên HĐQT	304.010	304.010

## 2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

2.1. Cổ đông nhà nước: Không có

2.2. Số liệu về cơ cấu cổ đông:

a. Cổ đông trong nước:

Chỉ tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ /VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>CỘNG</b>	<b>26.800.000</b>	<b>100%</b>	<b>480</b>	<b>0</b>	<b>480</b>
<b>Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết</b>	<b>1.400.000</b>	<b>5,22%</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
Nguyễn Văn Dũng	1.400.000	5,22%	1	0	1
<b>Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết</b>	<b>25.223.420</b>	<b>94,11%</b>	<b>479</b>	<b>2</b>	<b>477</b>
Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	2.000		1	1	0
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Tâm Nhìn	10		1	1	0

b. Cổ đông nước ngoài :

Chỉ tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ /VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết</b>	<b>176.580</b>	<b>0,67%</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>10</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN  
TÂY BẮC  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư



**TRẦN VĂN TẶNG**